PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA 9

TỪ NGÀY 13-26/4

TÂY NGUYÊN

Câu 1: Tỉnh nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam – Lào – Campuchia:

A. Gia Lai

B. Đắk Lắk

C. Kon Tum

D. Lâm Đồng

Câu 2: Địa hình của Tây Nguyên có đặc điểm:

A. Địa hình núi cao bị cắt xẻ mạnh.

B. Địa hình cao nguyên xếp tầng.

C. Địa hình núi xen kẽ với đồng bằng

D. Địa hình cao nguyên đá vôi tiêu biểu.

Câu 3: Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với sản xuất và đời sống ở Tây Nguyên là:

A. Hay có những hiện tượng thời tiết thất thường.

B. Nắng lắm, mưa nhiều làm cho đất bị rửa trôi.

C. Mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ lụt.

D. Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng.

Câu 4: Về mật độ dân số, Tây Nguyên hiện là vùng:

A. Có mật độ thấp chỉ sau Đồng bằng sông Hồng.

B. Dân cư đông đúc do nhập cư từ các vùng khác.

C. Có mật độ dân số thấp nhất cả nước.

D. Có mật độ trung bình so với các vùng khác.

Câu 5: Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế- xã hội ở Tây Nguyên là:

A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

B. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản, thủy điện.

C. Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm.

D. Tăng cường khai thác và chế biến lâm sản.

Câu 6: Điểm đặc biệt nhất về vị trí địa lý của Tây Nguyên là:

A. Giáp 2 quốc gia.

B. Giáp 2 vùng kinh tế.

C. Không giáp biển.

D. Giáp Đông Nam Bộ.

Câu 7: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nguyên là:

A. Ba dan

B. Mùn núi cao

C. Phù sa

D. Phù sa cổ.

Câu 9: Loại khoáng sản giàu trữ lượng nhất ở Tây Nguyên là:

A. Bô xit

B. Vàng

C. Kẽm

D. Than đá.

Câu 10: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên trong sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay là:

A. Khô hạn kéo dài.

B. Đất đai thoái hoá.

C. Khí hậu phân hóa.

D. Đất badan màu mỡ.

Câu hỏi trắc nghiệm môn Địa lí bài: Vùng Đông Nam Bộ

Câu 1: Các dòng sông chính trong vùng là

A. Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, sông Sài Gòn

B. Sông Biên Hòa, sông Sài Gòn, sông Đồng Nam

C. Sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn

D. Sông Đồng Nai, sông Bé, sông Biên Hòa

Câu 2: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ

A. Thành phố Hồ Chí Minh

B. BÌnh Dương

C. Long An

D. Tây Ninh

Câu 3: Đông Nam Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 5              B. 6                  C. 7               D. 8

Câu 4: Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của vùng Đông Nam Bộ

A. Bình Dương, Bình Phước.

B. TP Hồ Chí Minh

C. Tây Ninh, Đồng Nai.

D. Đồng Nai, Bình Dương.

Câu 5: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

A. Đất xám và đất phù sa

B. Đất bazan và đất feralit

C. Đất phù sa và đất feralit

D. Đất badzan và đất xám

Câu 6: Các hồ nước nhân tạo quan trọng cho thủy lợi và thủy điện trong vùng Đông Nam Bộ là

A. Hồ Ba Bể và hồ Lắk

B. Hồ Dầu Tiếng và hồ Trị An

C. Hồ Thác Bà và hồ Đa Nhim

D. Hồ Yaly và hồ Dầu Tiếng

Câu 7: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển.

B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.

C. Ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ

A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao.

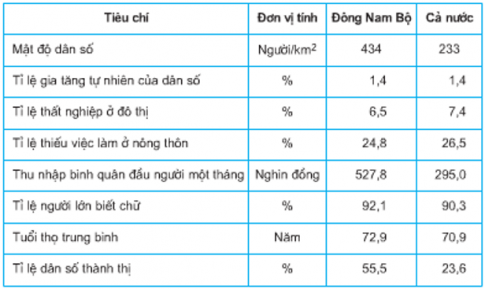
B. Thị trường tiêu nhỏ do đời sống nhân dân ở mức cao.

C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

Quan sát bảng số liệu dưới đây và trả lời câu hỏi 9, 10

Cho bảng số liệu sau: MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 1999



Câu 9: Tỉ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đã vượt quá mức:

A. 50 %           B. 40 %              C. 30 %          D. 10 %

Câu 10: Chỉ số phát triển dân cư, xã hội ở Đông Nam Bộ thấp hơn trung bình cả nước là

A. Tỉ lệ người lớn biết chữ

B. Tỉ lệ dân số thành thị

C. Tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị

D. Tuổi thọ trung bình

Câu 11: Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là

A. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.

B. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.

C. Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.

D. Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

Đáp án a

Câu 12: Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là

A. Than             B. Dầu khí            C. Boxit        D. Đồng

Câu 13: Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở Đông Nam Bộ là

A. Biên Hòa

B. Thủ Dầu Một

C. TP. Hồ Chí Minh

D. Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu hỏi trắc nghiệm môn Địa lí bài: Vùng Đông Nam Bộ

Câu 1: Ý nào sau đây không đúng khi nói về nhiệm vụ của các dự án để sự phát triển công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ bền vững

A. Tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng

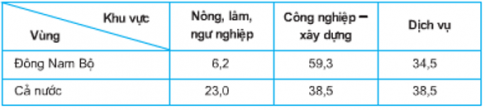
B. Hạn chế sản xuất nhỏ, tăng cường sản xuất công nghiệp của nhà nước

C. Bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp cân đối trên địa bàn toàn vùng

D. Tăng cường xuất khẩu khoáng sản thô

Câu 2: Cho bảng số liệu

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)



Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

A. Nông, lâm, ngư nghiệp

B. Dịch vụ

C. Công nghiệp xây dựng

D. Khai thác dầu khí

Câu 3: Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là

A. Nông – lâm – ngư nghiệp.

B. Công nghiệp, xây dựng.

C. Dịch vụ.

D. Không có ngành nào.

Câu 4: Cây trồng quan trọng nhất của vùng là

A. Hạt điều           B. Hồ tiêu                C. Cà phê          D. Cao su

Câu 5: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là

A. Dệt – may, da- giầy, gốm sứ.

B. Dầu khí, phân bón, năng lượng.

C. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí.

D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 6: Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

A. Điều         B. Cà phê                C. Cao su             D. Hồ tiêu

Câu 7: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là

A. Thủy lợi

B. Phân bón

C. Bảo vệ rừng đầu nguồn

D. Phòng chống sâu bệnh

Câu 8: Tỷ lệ dầu thô khai thác ở Đông Nam Bộ so với cả nước chiếm

A. 30 %            B. 45 %             C. 90 %               D. 100 %

Câu 9: Năm 2002, GDP 3 vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đạt 289 500 tỉ đồng, chiếm bao nhiêu % GDP của cả nước? (biết rằng năm 2002, GDP của cả nước là 534 375 tỉ đồng).

A. 54,17%.         B. 184,58%.            C. 541,7%.            D. 5,41%.

Câu 10: Vấn đề bức xúc nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ là

A. Nghèo tài nguyên

B. Dân đông

C. Thu nhập thấp

D. Ô nhiễm môi trường

Câu 11: Cây trồng nào sau đây không được trồng ở vùng Đông Nam Bộ

A. Cao su         B. Chè          C. Cà phê             D. Điều

Câu 12: Cây cao su được trồng nhiều nhất ở những tỉnh

A. Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương.

B. Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương.

C. Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai.

D. Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 13: Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở

A. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

B. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

C. TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

D. Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

Câu hỏi trắc nghiệm môn Địa lí bài: Vùng đồng bằng sông Cửu Long

Câu 1: Thuận lợi lớn nhất về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là

A. Toàn bộ diện tích là đồng bằng

B. Ba mặt giáp biển

C. Nằm ở cực Nam tổ quốc

D. Rộng lớn nhất cả nước.

Câu 2: Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Năng suất lúa cao nhất

B. Diện tích đồng bằng lớn nhất

C. Sản xuất lúa gạo nhiều nhất

D. Xuất khẩu nông sản nhiều nhất.

Câu 4: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng

A. 20 000km2B. 30 000km2C. 40 000km2        D. 50 000km2

Câu 5: Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Đất phèn

B. Đất mặn

C. Đất phù sa ngọt

D. Đất cát ven biển

Câu 6: Khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô là

A. Xâm nhập mặn

B. Cháy rừng

C. Triều cường

D. Thiếu nước ngọt

Câu 7: Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Xây dựng hệ thống đê điều.

B. Chủ động chung sống với lũ.

C. Tăng cường công tác dự báo lũ.

D. Đầu tư cho các dự án thoát nước.

Câu 8: Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Tày, Nùng, Thái.

B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.

C. Khơ me, Chăm, Hoa.

D. Giáy, Dao, Mông.

Câu 9: Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?

A. Đồng Nai.

B. Mê Công.

C. Thái Bình.

D. Sông Hồng.

Câu 10: Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là

A. Đất, rừng.

B. Khí hậu, nước.

C. Biển và hải đảo.

D. Tài nguyên khoáng sản.

Cho bảng số liệu sau và trả lời câu 11, 12

MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 1999



Câu 11: Chỉ số phát triển nào Đồng bằng Sông Cửu Long thấp hơn bình quân chung cả nước?

A. Mật độ dân số

B. Tỷ lệ hộ nghèo

C. Thu nhập bình quân

D. Tuổi thọ trung bình

Câu 12: Chỉ số phát triển nào Đồng bằng Sông Cửu Long cao hơn bình quân chung cả nước?

A. Thu nhập bình quân

B. Tỷ lệ hộ nghèo

C. Thu nhập bình quân

D. Tỉ lệ người lớn biết chữ

Với nội dung bài Trắc nghiệm Địa lí 9 bài 35: Vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm nhiều câu hỏi trắc nghiệm giúp các bạn học sinh cùng quý thầy cô hiểu rõ về đặc điểm địa lý và phân bố dân cư của vùng đồng bằng sông Cửu Long....

Câu hỏi trắc nghiệm môn Địa lí bài: Vùng Đông Nam Bộ

Câu 1: Ý nào không đúng về đặc điểm ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ

A. Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông quan trọng nhất của vùng

B. Vùng nhận được đầu tư nước ngoài chiếm tỉ lệ cao nhất cả nước

C. Cao su là mặt hàng xuất khẩu mang lại giá trị cao nhất

D. Dầu thô mang lại giá trị kinh tế cao nhất.

Câu 2: Trung tâm du lịch lớn nhất của ĐNB và cả nước là

A. Vũng Tàu      B. TP Hồ Chí Minh.       C. Đà Lạt        D. Nha Trang

Câu 3: Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là

A. Vũng Tàu

B. TP Hồ Chí Minh

C. Đà Lạt

D. Nha Trang

Câu 4: Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh không phải là nhờ

A. Là trung tâm kinh tế phía Nam.

B. Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.

C. Gần trung tâm các nước Đông Nam Á.

D. Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

Câu 5: Đầu mối giao thông vận tải hàng đầu của Đông Nam Bộ và cả nước là

A. Vũng Tàu

B. TP Hồ Chí Minh

C. Đà Lạt

D. Nha Trang

Câu 6: Những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động là

A. Dệt may

B. Điện

C. Hoá chất

D. Khai thác dầu.

Câu 7: Mặt hàng không phải xuất khẩu hàng đầu của Đông Nam Bộ là

A. Dầu thô

B. Thực phẩm chế biến

C. Than đá

D. Hàng nông sản

Câu 8: Khó khăn của vùng đối với phát triển kinh tế là

B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

C. Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

Câu 9: Đặc điểm không đúng với vùng ĐNB là

A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

B. Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

Câu 10: Các thành phố tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

A. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

B. TP. Hồ Chí Minh, Thủ dầu Một, Vũng Tàu.

C. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

D. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Đồng Nai.

Câu 11: Các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ nhưng không thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

A. Bà Rịa - Vũng Tàu

B. Đồng Nai

C. Bình Dương

D. Tây Ninh

Câu 12: Tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhưng không thuộc vùng Đông Nam Bộ là:

A. Đồng Nai        B. Bình Phước          C. Long An          D. Bình Dương

Câu 13: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 6                B. 7               C. 8               D. 9